

2 tháng 4 năm 2021

NGUYỄN THỊ THU THANH  
NGUYỄN XUÂN THÀNH

## 25 năm thực thi Dự án Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc

### 1. Đại học Quốc gia Hà Nội và Dự án xây dựng campus

Với sự đồng thuận chính trị cho mô hình đại học quốc gia, ngày 14/01/1993, Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (Khóa VII) đã ra Nghị quyết, chỉ rõ nhiệm vụ phải “xây dựng một số trường đại học trọng điểm quốc gia” để làm đầu tàu và trụ cột cho giáo dục đại học ở Việt Nam. Ngày 10/12/1993, Thủ tướng Chính phủ (TTCP) Võ Văn Kiệt đã ký ban hành Nghị định 97/CP để thành lập Đại học Quốc gia Hà Nội (Vietnam National University Ha Noi, tên viết tắt VNU) trên cơ sở sắp xếp và hợp nhất các trường nằm trên địa bàn Hà Nội như Đại học Tổng hợp Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội 1 và Đại học Ngoại ngữ. Phụ lục 1 trình bày lịch sử hình thành và phát triển của VNU.

VNU là tổ chức đại học có quy chế riêng, hoạt động dưới sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của TTCP. Thành viên Ban Giám đốc VNU trực tiếp do TTCP bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giám đốc VNU có vị trí ngang với bộ trưởng và là ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

VNU mang trên mình sứ mệnh đầu tàu, dẫn dắt hệ thống giáo dục đại học nước nhà, có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học cơ bản; nghiên cứu - chuyển giao - ứng dụng các thành tựu công nghệ vào đời sống, sản xuất, phụng sự công cuộc đổi mới nước nhà. Với nội hàm chính sách đó, Chính phủ của Thủ tướng Võ Văn Kiệt cho rằng Đại học cần được khoác một chiếc áo phải vừa vặn, Khang trang. Nghĩa là không thể vận hành một đầu tàu đạt chuẩn quốc tế với cơ sở vật chất phân tán, manh mún.

Để tập trung mọi nguồn lực đầu tư xây dựng một cơ sở mới mang tính tập trung cho cả VNU, vào ngày 27/01/1995, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã ký quyết định số 72-TTg xác định 1000 ha đất nằm trong phạm vi đất Nông trường 1A do Bộ Quốc phòng (BQP) quản lý tại huyện Thạch Thất,

---

Tình huống này do Nguyễn Thị Thu Thanh, học viên Chương trình Thạc sĩ Chính sách Công (Phân tích Chính sách), Khóa MPP2021 và Nguyễn Xuân Thành, giảng viên chính sách công của Trường Chính sách Công và Quản lý Fulbright (FSPPM), Đại học Fulbright Việt Nam soạn.

*Các nghiên cứu tình huống của FSPPM được sử dụng làm tài liệu cho thảo luận trên lớp học, chứ không phải là để ủng hộ, phê bình hay dùng làm nguồn số liệu cho một tình huống chính sách cụ thể.*

tỉnh Hà Tây (giờ là TP Hà Nội) để quy hoạch xây dựng cơ sở (campus) cho Đại học Quốc gia Hà Nội.<sup>1</sup>

VNU Campus được kỳ vọng là một đô thị đại học hiện đại, đạt chuẩn quốc tế; phục vụ cho các hoạt động đào tạo – nghiên cứu - ứng dụng chuyển giao khoa học trọng điểm cấp quốc gia; di dời được các cơ sở đào tạo ra ngoại thành, giảm thiểu áp lực cơ sở hạ tầng nội đô; đồng thời tạo thành đô thị vệ tinh - thành phố khoa học thông minh đối trọng với Thủ đô Hà Nội về phía Tây.

“Sau nhiều ngày suy tính về tương lai của một đại học lớn, Thủ tướng đã quyết định dành cho VNU một khu đất đẹp, rộng trên 1000 ha tại Hòa Lạc.... VNU phải có môi trường sinh hoạt rộng thoáng, phải đáp ứng cho nhu cầu phát triển của cả trăm năm sau, xứng đáng là một đại học lớn trong khu vực và trên thế giới... Việc hình thành quyết định này một phần là do Thủ tướng đã quan sát kỹ các trường đại học lớn ở các nước mà Thủ tướng đã đi thăm. Tôi còn nhớ, Thủ tướng đã có ấn tượng rất mạnh sau khi đi thăm một khu đại học lớn ở Myanmar với thời gian xây dựng chỉ có 3 năm. Sau đó, Thủ tướng đã chỉ thị cho chúng tôi sang nghiên cứu kinh nghiệm của nơi này”.

Nguyễn Văn Đạo, Giám đốc đầu tiên của VNU<sup>2</sup>

VNU Campus có 21 dự án thành phần (Phụ lục 2 và 3) với quy mô đào tạo 63,5 nghìn sinh viên. VNU Campus được xác định thực thi theo trình tự ba giai đoạn: giai đoạn một thực thi công tác tiền khởi công dự án (làm sạch quỹ đất, giải phóng mặt bằng, đền bù, xây dựng dự án tái định cư, xây dựng quy hoạch, báo cáo tiền khả thi, báo cáo tác động dự án); giai đoạn hai thực thi các hoạt động đầu tư xây dựng; giai đoạn ba di dời các đơn vị thành viên trực thuộc lên cơ sở đào tạo mới.

Tuy nhiên, thực tế các nhiệm vụ chưa đi theo trình tự đã đề ra. Nhiệm vụ giải phóng mặt bằng dự án, xây dựng khu tái định cư để di dời khoảng 1000 hộ dân nông trường 1A chưa thể hoàn tất từ năm 1995 đến nay. Trong tám năm đầu triển khai VNU nhận thấy những khó khăn, phức tạp trong giải quyết tranh chấp đất đai và không thể chờ đợi hoàn tất giai đoạn một. Do đó, VNU đã đề đạt Chính phủ chấp thuận tiến hành song song nhiệm vụ thứ nhất và thứ hai. Vào tháng 12/2003, VNU tổ chức lễ khởi công xây dựng VNU Campus trước sự chứng kiến của các nguyên thủ quốc gia, tuy nhiên công tác giải toả mặt bằng mới chỉ dừng lại ở việc bàn giao trên giấy tờ, hoàn thành đo đạc địa chính và rà phá bom mìn.

Việc thực thi song hành hai nhiệm vụ đầu là giải pháp chủ động nhằm nỗ lực thúc đẩy dự án. Trước những tín hiệu lạc quan mà các cơ quan truyền thông đưa tin về một tương lai một đô thị đại học quốc gia đẳng cấp quốc tế thì Ban Giám đốc VNU đã nhìn thấy được chặng đường gian

<sup>1</sup> Quyết định 72 cũng xác định 800 hécta đất tại Huyện Thuận An, Tỉnh Sông Bé (nay là Bình Dương) và Huyện Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) để quy hoạch xây dựng campus cho Đại học Quốc gia TP.HCM.

<sup>2</sup> Nguyễn Văn Đạo (2008), “Võ Văn Kiệt và chiến lược giáo dục đại”, truy cập 20/06/2019 tại địa chỉ: <https://dongtac.hnccity.org/spip.php?article2092>.

nan phía trước. Kể từ lễ khởi công dự án vào năm 2003 đến nay, các nhiệm vụ của giai đoạn một và hai chưa hoàn tất, khiến nhiệm vụ số ba cũng bị lùi lại.

Phụ lục 4 trình bày các mốc thời gian thực thi Dự án VNU Campus.

## 2. Câu chuyện đất đai

1000 ha đất dành cho việc xây dựng VNU Campus là một diện tích rất lớn cho một đại học. Nhiều đại học đa ngành đa lĩnh vực hàng đầu Châu Á dù có tiềm lực tài chính mạnh nhưng diện tích khuôn viên cũng vừa trung như Đại học Thanh Hoa rộng 396 ha, còn không gian Đại học Bắc Kinh là 274 ha.

Việc thu hồi đất và giải phóng mặt bằng ban đầu cũng được cho là sẽ không phức tạp vì là đất nông trường thuộc sự quản lý của BQP, chứ không phải là đất ở hay đất nông nghiệp do hộ nông dân sử dụng. Khi nhận bàn giao Nông trường 1A từ BQP vào năm 1996, diện tích đất mà VNU được tiếp nhận trên giấy tờ là 1.250 ha (tăng thêm 250 ha so với quyết định 72 của TTCP). Đến năm 2011, tại Quyết định 1907/QĐ-TTg Chính phủ xác định lại quy mô sử dụng đất cho VNU Campus khoảng 1.113,7 ha (gồm Dự án VNU: 887,9 ha; Cơ sở nghiên cứu cao cấp: 112,1 ha; và Khu tái định cư: 113,7 ha). Tuy nhiên, quy mô đất để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng thực tế lại là 1221,73 ha.

Để tuân thủ đúng Luật Đất đai, BQP phải thực hiện thủ tục bàn giao đất dự án cho UBND tỉnh Hà Tây và Hoà Bình thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trên phạm vi địa giới hành chính. Từ đó, các tỉnh mới tiến hành bàn giao đất cho VNU. Để đảm bảo hành lang pháp lý thuận lợi cho Dự án, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã ban hành Quyết định 813/TTg ngày 28/12/1994 về việc chuyển giao nông trường 1A thuộc BQP cho UBND tỉnh Hà Tây quản lý. Tuy nhiên, nhìn thấy được sự lúng túng trong việc bàn giao đất nên Chính phủ đã ra văn bản tạo cơ chế mở cho việc bàn giao. Cụ thể là ngày 05/08/1995 Chính phủ ra văn bản số 4197/KTN thông báo chỉ đạo cách thức quyền giao đất: “nhanh gọn, tránh lúng túng, cho phép thực hiện việc giao nhận trực tiếp giữa ba bên: BQP, UBND hai tỉnh Hà Tây, Hoà Bình và VNU”. Ngày 16/10/1995, TTCP ra quyết định số 659/TTG tiếp tục chỉ đạo: “Bộ Quốc phòng có trách nhiệm chuyển giao toàn bộ đất đai, tài sản, cơ sở vật chất thuộc nông trường 1A cho VNU quản lý”. Sau đó, VNU có quyết định 60/TCCB ngày 1/2/1996 nhận bàn giao đất Nông trường 1A từ BQP.

Đi vào triển khai thu hồi đất thì trên thực tế diện tích đất không chỉ của riêng Nông trường 1A mà còn của Bộ Tư lệnh Pháo binh tại xã Tiến Xuân, của Trường Sĩ quan Lục quân 1, Trung đoàn 916. Xã Tiến Xuân là ranh giới giữa Tỉnh Hoà Bình và Hà Tây cũ mà trước 2008 chưa có sự thống nhất địa giới hành chính. Trong lịch sử, một phần trong diện tích đất quy hoạch có tranh chấp giữa các hộ dân với chính quyền xã Tiến Xuân về nguồn gốc và quyền sở hữu đất đai.

Năm 1997, Chính phủ đưa ra định hướng quy hoạch đô thị Miếu Môn – Xuân Mai – Hoà Lạc – Sơn Tây. Hoạt động đầu cơ đất tại khu vực này gia tăng làm khó khăn hơn cho việc chuyển giao đất cho Dự án.

Tại lễ khởi công xây dựng VNU Campus, Giám đốc Đào Trọng Thi đã phát biểu:<sup>3</sup>

“Chúng tôi mong tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của Chính phủ, sự giúp đỡ hiệu quả của các Bộ, Ban, ngành trung ương và đặc biệt là sự ủng hộ, tạo điều kiện của các tỉnh Hà Tây, Hòa Bình, Bộ Quốc phòng, các huyện Thạch Thất, Lương Sơn và các xã Thạch Hoà, Tiến Xuân, Yên Bình, sự phối hợp, hợp tác chặt chẽ của cán bộ, công nhân nông trường 1A trong công tác thu hồi giao đất, đền bù giải phóng mặt bằng để dự án triển khai đúng tiến độ.”

Đến năm 2008, tỉnh Hà Tây và bốn xã của tỉnh Hòa Bình được sáp nhập vào TP. Hà Nội. Quyết định sáp nhập này được kỳ vọng là sẽ tạo thuận lợi hơn cho công tác bàn giao đất và giải phóng mặt bằng nhờ chấm dứt được những tranh cãi về ranh giới địa chính.

Nhưng việc sáp nhập đã làm gia tăng hoạt động đầu cơ đất. Giải quyết xung đột, tranh chấp còn khó khăn hơn vì có chênh lệch trong chính sách đền bù khi Hà Tây trở thành một phần của Hà Nội lại làm gia tăng hoạt động đầu cơ đất. Thực tế là việc đếm và cắm mốc khó khăn hơn khi hành vi mua bán chuyển nhượng đất tại địa phương đã đi quá xa khỏi sự kiểm soát. Đến năm 2020, VNU mới phát hiện một số công ty đang triển khai hoạt động xây dựng trên diện tích đất quy hoạch và những công ty này lại trình ra được giấy tờ chính quyền Hà Nội cấp phép sử dụng đất đai.

Ngày 12/09/2018 tại báo cáo số 2987/ĐHQGHN-KHTC của VNU gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (BKHT), vẫn còn 327,24 ha đất chưa bồi thường, chiếm 26,7% tổng diện tích đất thực thi dự án. Phụ lục 5 trình bày kết quả giải phóng mặt bằng VNU Campus.<sup>4</sup>

### 3. Vốn đầu tư

Nguồn lực tài chính ảnh hưởng tiến độ thực thi VNU Campus xuyên suốt 25 năm. Sự định hình nguồn vốn vừa chậm trễ cộng hưởng quá trình giải ngân nhỏ giọt khiến các dự án thành phần không thể thực hiện theo kế hoạch.

Việc bố trí nguồn lực tài chính cho VNU Campus chỉ thể hiện rõ trên các văn bản chỉ đạo của Chính phủ theo thời gian. Các quyết sách giai đoạn 1995 – 2002 chưa nêu rõ nguồn vốn thực thi dự án. Năm 2003, Chính phủ định hình nguồn vốn dành cho dự án là 7,2 tỷ đồng đến từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác. Mười năm sau, tại Quyết định 1907/QĐ-TTg ban hành vào 18/10/2013 thì cơ cấu nguồn vốn cho VNU Campus mới được xác định rõ là 25,8 nghìn tỷ đồng, trong đó: vốn nhà nước khoảng 82,63%, bao gồm: ngân sách tập trung (37,96%); trái phiếu chính phủ (14,48%); vốn dự kiến thu từ việc chuyển đổi tài sản và quyền sử dụng đất tại các cơ sở cũ của VNU khi chuyển lên Hòa Lạc (7,44%); vốn ODA và tín dụng ưu đãi (22,75%).

---

<sup>3</sup> VNU Media, 2003.

<sup>4</sup> So với Đại học Quốc gia Hà Nội, thì Đại học Quốc gia TP.HCM (VNU HCM) thực hiện công tác đầu tư xây dựng campus thuận lợi hơn. Quỹ đất thực thi VNU HCM nằm quy hoạch không gian phát triển các cơ sở đào tạo, giáo dục có sẵn. Trong khi VNU phải khởi dựng VNU Campus từ các nguồn đất khác nhau do Bộ Quốc phòng quản lý thì VNU HCM được kế thừa nền tảng quy hoạch Làng Đại học Thủ Đức.

Vốn liên doanh, liên kết đầu tư trong và ngoài nước; vốn thu hút xã hội hóa và vốn huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác khoảng: 17,37%. Năm 2020, “nguồn vốn khác” của VNU Campus mới được tìm ra thông qua khoản tài trợ tín dụng 125,18 triệu USD đến từ Ngân hàng Thế giới (NHTG).

Theo báo cáo của BKHĐT tại công văn số 540/BKHĐT-KHGDTNMT vào ngày 22/01/2019 thì tính đến năm 2018, vốn đã huy động cho VNU Campus là 1,9 nghìn tỉ đồng, đạt 7,3% so với kế hoạch phê duyệt vào năm 2013. Trong đó, vốn đầu tư phát triển là 1,6 nghìn tỉ, vốn ODA là 375 tỉ đồng. Dự án thành phần đầu tiên trong thực hiện VNU Campus là xây dựng khu tái định cư QG-HN01 để di dời hơn 1000 hộ dân đang sinh sống trong khu vực quy hoạch dự án sau 25 năm vẫn chưa hoàn tất bởi thiếu vốn thực thi.

Cơ chế về mô hình đại học Quốc gia mặc dù đem lại vị thế tự chủ cho VNU nhưng cũng là nguyên nhân cản trở việc tiếp nhận nguồn lực cho VNU Campus. VNU là cơ sở giáo dục đại học công lập được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành nghị định riêng về cơ chế tổ chức, hoạt động, được Nhà nước “ưu tiên đầu tư phát triển”. Nhưng cũng vì thế mà VNU khó có thể nhận thêm được nguồn lực tài chính từ UBND các tỉnh, trước đó là Hà Tây cũ, Hòa Bình và nay là Hà Nội. Trong công văn số 4904/UBND-KHĐT, UBND TP. Hà Nội trả lời với đề xuất của VNU về việc hỗ trợ bổ sung vốn trung hạn thực thi VNU Campus giai đoạn 2016 - 2020: “Do VNU là cơ quan thuộc Trung ương quản lý nên việc xem xét, cân đối, bố trí kế hoạch vốn cho Dự án đầu tư xây dựng VNU tại Hòa Lạc không thuộc nhiệm vụ chi ngân sách của Thành phố Hà Nội”.

Ngoài ra, UBND TP. Hà Nội cũng cho rằng liên quan đến nguồn kinh phí giải phóng mặt bằng dự án, VNU phối hợp trực tiếp với UBND Huyện Thạch Thất làm báo cáo gửi BKHĐT trình Chính phủ xem xét, bố trí nguồn vốn. Như vậy, các vấn đề giải quyết về nguồn lực sẽ phải xin trực tiếp từ Chính phủ để đúng thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết.

Trong Chính phủ, có những ý kiến cho rằng điều kiện kinh tế khó khăn của đất nước đã ảnh hưởng đến quá trình cấp vốn ngân sách để đầu tư xây dựng VNU Campus. Nhưng cũng có ý kiến cho rằng qua các nhiệm kỳ của Chính phủ, sự ưu tiên phân bổ ngân sách chưa tương xứng với quy mô và sứ mệnh giao cho VNU. Trong khi đó, nhiều dự án kinh tế có quy mô còn lớn hơn VNU Campus được thực hiện nhờ quyết tâm chính trị cao của lãnh đạo đất nước. Ngay từ đầu những năm 1990, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã lãnh đạo triển khai Dự án Đường dây 500KV tải điện từ Bắc vào Nam (5.713 tỷ đồng, tương đương 510 triệu USD vào năm 1992). Nhà máy Lọc Dầu Dung Quất (40 nghìn đồng, tương đương 3 tỷ USD vào năm 2005) và Đường Hồ Chí Minh cũng được hai TTCP Võ Văn Kiệt và Phan Văn Khải quyết tâm thực hiện. TTCP Nguyễn Tấn Dũng trong nhiệm kỳ đầu tiên của mình đã chỉ đạo: “Tập trung đầu tư xây dựng để sớm phát triển hai đại học quốc gia thành các cơ sở giáo dục đại học xuất sắc, hàng đầu của Việt Nam, từng bước vươn lên đẳng cấp khu vực và quốc tế”. Nhưng nguồn lực lại được Chính phủ tập trung cho các tập đoàn và tổng công ty nhà nước như Vinashin, Vinalines, PVN.

Ông Nguyễn Văn Khánh, nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn của VNU đã chia sẻ:<sup>5</sup>

“Tôi đề nghị Chính phủ, các bộ ngành quan tâm để có giải pháp xây dựng nhanh hơn nữa cơ sở Hòa Lạc cho VNU. Phải coi việc xây dựng cơ sở này như một công trình trọng điểm quốc gia... Cả diện tích rộng gần 1.000 ha như thế không biết đến bao giờ sẽ xây dựng xong nếu Chính phủ không có một quyết tâm chiến lược? Điều này đang gây tâm tư, thậm chí bức xúc cho không chỉ riêng các cán bộ trong trường Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.”

#### 4. Tổ chức thực thi

Hai nhiệm kỳ giám đốc đầu tiên của VNU được tập trung vào nhiệm vụ xây dựng mô hình tự chủ cho VNU theo chỉ đạo của Chính phủ. Ưu tiên hàng đầu của các giám đốc trong giai đoạn đó là vận động Chính phủ để được sử dụng con dấu mang hình quốc huy, tự chủ trong sắp xếp bộ máy tổ chức, có cơ chế tài chính riêng, được toàn quyền quyết định về hợp tác quốc tế và được cấp tất cả các loại bằng cấp. Phụ lục 6 trình các văn bản pháp luật vào văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ đối với VNU và Dự án VNU Campus.

Song song với việc kiến tạo và bảo vệ mô hình VNU với những cơ chế đặc thù riêng, lãnh đạo VNU đã tiếp nhận bàn giao mặt bằng VNU Campus, thực thi các nhiệm vụ tiền khởi công dự án và tổ chức lễ khởi công xây dựng. Tuy nhiên, như đã trình bày ở những phần trên, vị thế của VNU là đơn vị sự nghiệp công lập nên không có đủ sức mạnh chính trị và quyền lực hành chính trong giải quyết những vấn đề phức tạp về đất đai và xin vốn ngân sách.

Sự đồng lòng trong nội bộ của các trường thành viên và cán bộ công nhân viên của VNU để đầu tư xây dựng campus mới rồi chuyển về đó cũng không mạnh. Nếu di chuyển lên cơ sở ngoại ô, các đơn vị thành viên trực thuộc VNU có thể mất quyền quản lý quỹ đất nội thành. Các giảng viên, cán bộ, công nhân viên cũng không sẵn lòng di chuyển đường xa lên Hòa Lạc làm việc. Quy hoạch campus không có đất để làm nhà ở cho giảng viên. VNU cũng không có chính sách ưu đãi nhà ở cho giảng viên và nhân viên của trường.

Năm 2009, Thanh tra Chính phủ lập đoàn công tác thanh tra Dự án, thực hiện kiểm toán độc lập đối với Dự án và phát hiện nhiều vấn đề khúc mắc về công tác giải phóng mặt bằng, quản lý – sử dụng đất đai, tài sản. Nhiều tập thể/cá nhân để xảy ra sai phạm đất đai bị kiến nghị kiểm điểm. Kết luận số 3288/KL-TTr Thanh tra Chính phủ ngày 31/12/2009 ghi rõ là công tác giải phóng mặt bằng gần như không triển khai được.

Trong hai nhiệm kỳ giám đốc tiếp theo, Bộ Xây dựng (BXD) đảm nhiệm vai trò chủ đầu tư Dự án VNU Campus. Ý kiến của các bộ ngành là cần một đơn vị có chuyên môn đảm đương nhiệm vụ xây dựng thực tiễn, kết nối các đơn vị quản lý nhà nước để dự án có thể đẩy nhanh tiến độ.

---

<sup>5</sup> Phong Nguyên (2015), “Anh em lại tâm tư vì giảng đường đại học trong mơ”, truy cập ngày 28/8/2020 tại địa chỉ: <https://giaoduc.net.vn/tieu-diem/anh-em-lai-tam-tu-vi-giang-duong-trong-mo-post155374.gd>.

Ngày 30/8/2008, TTCP đã ra quyết định số 1404/QĐ-TTg để chuyển chủ đầu tư dự án từ VNU sang BXD.

VNU trở thành đơn vị thụ hưởng, thực hiện nhiệm vụ tư vấn, giám sát dự án, không còn quyền tự định thực thi dự án. Ban Giám đốc giai đoạn này cho rằng trong điều kiện hiện tại chờ đợi đầu tư xây dựng VNU Campus bằng vốn ngân ngân sách là thiếu khả thi. VNU muốn đề nghị Chính phủ cho phép xã hội hóa nguồn vốn, nhưng cũng không quyết tâm và chủ động theo đuổi giải pháp này.

Ngày 1/1/2009, Bộ Xây dựng thành lập Ban Quản lý Dự án (BQLDA) đầu tư xây dựng VNU Campus tại Hoà Lạc. BQLDA là cơ quan trực thuộc BXD dựa trên việc tái cơ cấu tổ chức năm BQLDA trước đó. BXD cho rằng công tác bàn giao từ chủ đầu tư cũ sang chủ đầu tư mới không thuận lợi bởi những nghi vấn hồ sơ cũ có các vấn đề như có dấu hiệu xáo trộn, hợp lý hoá các bản thanh quyết toán, thất lạc, sai sót, sai quy trình, thủ tục đầu tư, chỉ định thầu. Trong quá trình triển khai, nội bộ BQLDA thuộc BXD cũng xảy ra trục trặc với nhân sự thay đổi liên tục.<sup>6, 7</sup>

Vì thế, dù có vị thế chính danh và chuyên môn trong đầu tư xây dựng, BXD cũng không thể đẩy nhanh việc đầu tư xây dựng VNU Campus. Công tác giải phóng mặt bằng và vẫn chưa thể hoàn tất. Việc di dời hơn 1000 hộ dân tới khu tái định cư vẫn đứng yên. Hoạt động đầu tư xây dựng dừng lại ở kết quả hoàn tất 10% hạng mục dự án.

Đến ngày 21/12/2017, TTCP Nguyễn Xuân Phúc ký Quyết định số 2068/QĐ-TTg để chuyển giao vai trò chủ đầu tư dự án từ BXD về lại cho VNU, đồng thời tăng quyền tự chủ và bố trí thêm nguồn lực cho VNU để thực thi. Về phần mình Ban giám đốc VNU đã đề xuất xin Chính phủ đứng ra hỗ trợ thực hiện các quy trình vay vốn ODA từ NHTG và tìm kiếm nguồn vốn xã hội hóa.

#### 4. Kết quả thực thi

Sau 25 năm thực hiện, VNU Campus được xem là đã cơ bản hoàn thành hạ tầng kết nối nội khu - ngoại khu. 2 trên 21 hợp phần, chiếm 10% tổng thể dự án, đã được đưa vào sử dụng gồm: Dự án Khu ký túc xá sinh viên (KT1 đến KT5) phục vụ cho sinh viên tạm trú vào các đợt học giáo dục quốc phòng an ninh và Dự án Khu nhà công vụ. Vào năm 2019, tổ hợp toà nhà Khoa Toán – Cơ – Tin học mới được tái khởi động xúc tiến đầu tư xây dựng.

---

<sup>6</sup> Kế toán trưởng BQLDA gửi đơn tố cáo tới Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng về những vi phạm trong tổ chức đảng tại Đảng ủy BQLDA VNU Campus thuộc Đảng ủy BXD. Kế toán trưởng cho rằng có nhiều sai sót trong thực hiện dự án và không ký nhiều hồ sơ thanh quyết toán, giao nhận.

<sup>7</sup> Thời kỳ làm chủ đầu tư xây dựng VNU Campus, BXD đã luân chuyển năm giám đốc BQLDA trong vòng ba năm rưỡi.

Các công tác tiền khởi công dự án bao gồm: giải phóng mặt bằng, di chuyển các hộ dân tới khu tái định cư chưa thể hoàn tất từ năm 1995 tới nay. Mục tiêu đưa 30-40 nghìn sinh viên lên cơ sở đào tạo mới từ năm 2005 không thể thực hiện.

Phụ lục 7 so sánh hình ảnh quy hoạch VNU Campus và thực tế hiện nay.

Dự án VNU Campus đã có lộ trình thực hiện mới là trong 13 năm từ 2013 tới 2025. Trong khi chưa có một campus mới, VNU vẫn liên tục mở rộng quy mô và tăng số lượng sinh viên. Hiện tại, khoảng 37 nghìn sinh viên đang học tập tại các campus phân tán trong nội thành Hà Nội.



### **Phụ lục 1: Lịch sử hình thành và phát triển quy mô của Đại học Quốc gia Hà Nội**

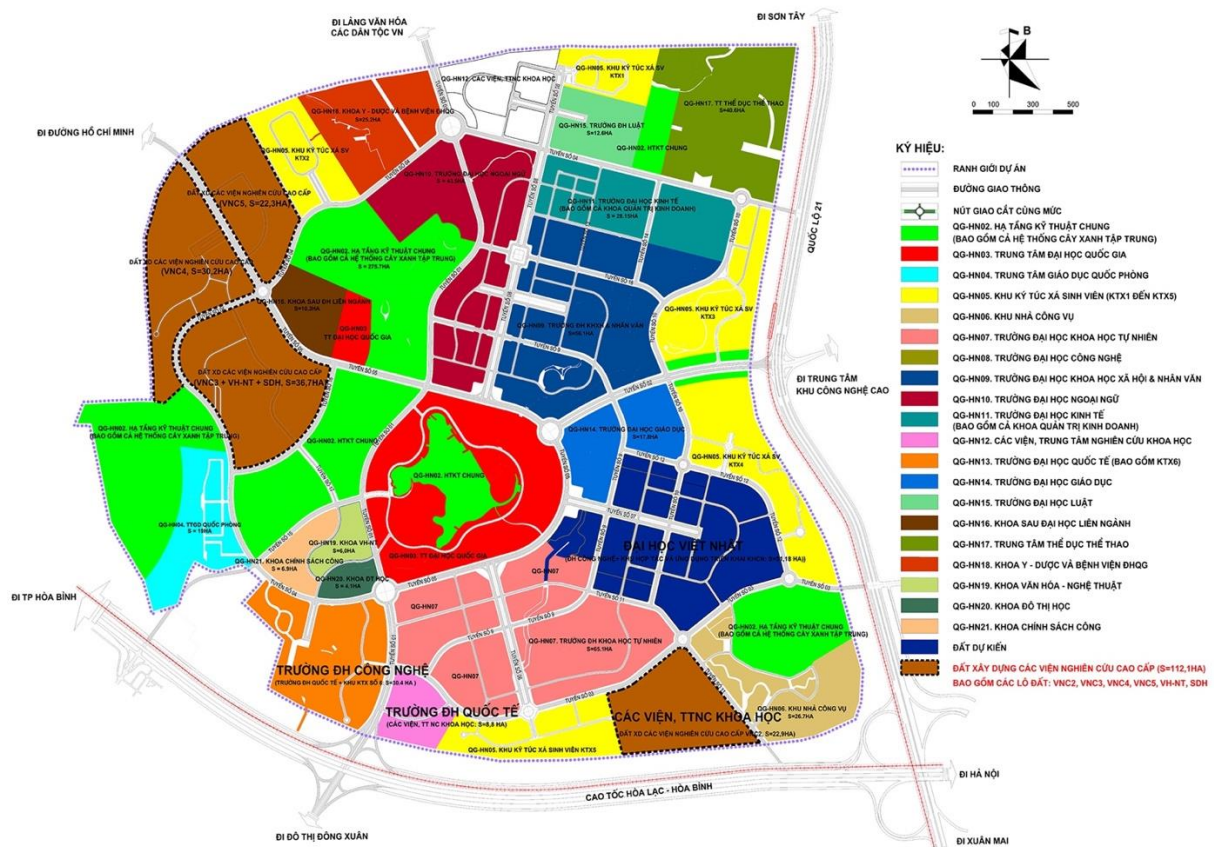
- **1906:** Toàn quyền Đông Dương thành lập Đại học Liên bang Đông Dương (Université Indochinoise đặt trụ sở tại phố phố Boulevard Bobillot – nay là số 19 phố Lê Thánh Tông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội (Quyết định số 1514a ngày 16/5/1906))
- **1945:** Đại học Liên bang Đông Dương đổi tên thành Trường Đại học Quốc gia Việt Nam, tiền thân của Đại học Tổng hợp Hà Nội
- **1951:** Thành lập trường Khoa học Cơ bản cơ sở Việt Bắc
- **1956:** Thành lập Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội và Đại học Sư phạm Hà Nội (sau đổi tên thành Đại học Sư phạm Hà Nội I)
- **1967:** Thành lập Đại học Sư phạm Ngoại ngữ
- **1993:** Thành lập Đại học Quốc gia Hà Nội trên sự sắp xếp ba trường: Đại học Tổng hợp Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội I, Đại học Sư phạm Ngoại ngữ
- **2000:** Đại học Quốc gia Hà Nội có 5 trường thành viên (Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Ngoại ngữ, Trường Đại học Sư phạm, Trường Đại học Đại cương) và 1 Viện nghiên cứu
- **1995:** Thành lập Khoa Quản trị và Kinh doanh trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội
- **1998:** Xoá bỏ Trường Đại học Đại cương
- **1999:** Trường Đại học Sư phạm tách khỏi Đại học Quốc gia Hà Nội
- **2000:** Nâng cấp Khoa Luật, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn trở thành Khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội
- **2002:** Thành lập Khoa Quốc tế trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội
- **2004:** Thành lập trường Đại học Công nghệ, trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội
- **2007:** Thành lập trường Đại học Kinh tế, trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội
- **2009:** Thành lập trường Đại học Giáo dục, trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội
- **2014:** Thành lập trường Đại học Việt Nhật, trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội
- **2020:** Thành lập trường Đại học Y dược, trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội

**Phụ lục 2: Quy mô các dự án thành phần VNU Campus**

| TT  | Ký hiệu                                                          | Tên dự án thành phần                                                              | Quy mô đào tạo     | Quy mô đất (ha)                            |
|-----|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------|
| A   | Các Dự án thành phần thuộc ĐHQGHN                                |                                                                                   |                    |                                            |
| 1   | QG-HN01                                                          | Dự án ĐTXD Khu Tái định cư                                                        |                    | 113,7                                      |
| 2   | QG-HN02                                                          | Dự án ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật chung                                                 |                    | 275,7                                      |
| 3   | QG-HN03                                                          | Dự án ĐTXD Khu Trung tâm ĐHQG                                                     |                    | 52,5                                       |
| 4   | QG-HN04                                                          | Dự án ĐTXD Trung tâm giáo dục quốc phòng                                          |                    | 19,0                                       |
| 5   | QG-HN05                                                          | Dự án ĐTXD Khu ký túc xá sinh viên (từ KTX 1 đến KTX 5)                           |                    | 88,8                                       |
| 6   | QG-HN06                                                          | Dự án ĐTXD Khu nhà công vụ                                                        |                    | 26,7                                       |
| 7   | QG-HN07                                                          | Dự án ĐTXD Trường Đại học Khoa học Tự nhiên                                       | 12800 và 2000 THPT | 65,1                                       |
| 8   | QG-HN08                                                          | Dự án ĐTXD Trường Đại học Công nghệ                                               | 5500               | 29,4 (30,4 ha, điều chỉnh QH 1/2000, 2014) |
| 9   | QG-HN09                                                          | Dự án ĐTXD Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn                             | 11500              | 56,1                                       |
| 10  | QG-HN10                                                          | Dự án ĐTXD Trường Đại học Ngoại ngữ                                               | 11500 và 1500 THPT | 43,5                                       |
| 11  | QG-HN11                                                          | Dự án ĐTXD Trường Đại học Kinh tế (bao gồm cả Khoa Quản trị kinh doanh)           | 6200               | 27,5                                       |
| 12  | QG-HN12                                                          | Dự án đầu tư xây dựng các Viện, Trung tâm nghiên cứu khoa học trực thuộc ĐHQGHN   |                    | 49,7                                       |
| 13  | QG-HN13                                                          | Dự án ĐTXD Trường Đại học Quốc tế (bao gồm cả khu ký túc xá KTX6)                 | 2100               | 30,4 (9,2 ha, điều chỉnh QH 1/2000, 2014)  |
| 14  | QG-HN14                                                          | Dự án ĐTXD Trường Đại học Giáo dục                                                | 2600               | 17,8                                       |
| 15  | QG-HN15                                                          | Dự án ĐTXD Trường Đại học Luật                                                    | 2900               | 12,6                                       |
| 16  | QG-HN16                                                          | Dự án ĐTXD Khoa Sau đại học liên ngành                                            | 2500               | 10,3                                       |
| 17  | QG-HN17                                                          | Dự án ĐTXD Trung tâm TĐTT                                                         |                    | 40,6                                       |
| 18  | QG-HN18                                                          | Dự án ĐTXD Khoa Y-dược và bệnh viện ĐHQG                                          | 1100               | 25,2                                       |
| 19  | QG-HN19                                                          | Dự án ĐTXD Khoa Văn hóa-Nghệ thuật                                                | 400                | 6,0*                                       |
| 20  | QG-HN20                                                          | Dự án ĐTXD Khoa Đô thị học                                                        | 500                | 4,1                                        |
| 21  | QG-HN21                                                          | Dự án ĐTXD Khoa Chính sách công                                                   | 400                | 6,9                                        |
| (*) |                                                                  | Năm 2014 điều chỉnh cục bộ quy hoạch 1/2000 bổ sung thêm Trường Đại học Việt Nhật | 6000               | 75 (gồm 24 ha Khu Công nghệ cao Hòa Lạc)   |
| B   | Các Dự án thành phần đầu tư xây dựng các Viện nghiên cứu cao cấp |                                                                                   |                    | 112,1                                      |

Nguồn: Ban Xây dựng – VNU Media, VNU

### Phụ lục 3: Quy hoạch chung của VNU Campus



Nguồn: Ban Xây dựng – VNU Media, VNU

#### **Phụ lục 4: Các mốc thời gian quan trọng của VNU Campus**

- **28/12/1994:** Chính phủ yêu cầu chuyển giao nông trường 1A thuộc Bộ Quốc phòng cho UBND tỉnh Hà Tây quản lý (Quyết định 813/TTg)
- **27/01/1995:** Chính phủ xác định dành 1000 ha đất làm địa điểm VNU Campus (Quyết định 72-TTg)
- **16/10/1995:** Chính phủ yêu cầu Bộ Quốc phòng chuyển giao tài sản, đất đai thuộc Nông trường 1A cho VNU quản lý (Quyết định số 659/TTG)
- **01/02/1996:** VNU tiếp nhận bàn giao đất Nông trường 1A từ Bộ Quốc phòng
- **02/06/1997:** Chính phủ phê duyệt định hướng quy hoạch các đô thị Miếu Môn - Xuân Mai - Hòa Lạc - Sơn Tây (Quyết định số 372/TTg)
- **26/01/1998:** Chính phủ phê duyệt quy hoạch chung VNU Campus trong các đô thị Miếu Môn – Xuân Mai – Hòa Lạc – Sơn Tây (Quyết định số 22/1998/QĐ-TTg)
- **23/08/2002:** Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung VNU Campus (Quyết định số 702/QĐ-TTg)
- **2002:** VNU thành lập các Ban QLDA để triển khai dự án
- **21/02/2003:** Chính phủ thông qua Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án (Quyết định số 181/CP-KG)
- **20/12/2003:** Thủ tướng Văn Khải dự và phát lệnh khởi công xây dựng VNU Campus
- **12/2003:** Khởi công xây dựng nhà công vụ VNU Campus
- **04/07/2007:** Mỏ thầu đối với gói thầu thi công xây lắp ký túc xá sinh viên 5 tầng khu ký túc xá số 4 thuộc dự án QG-HN05
- **28/08/2007:** Lễ khởi công xây dựng dự án đầu tiên của VNU Campus: khu ký túc xá số 4 thuộc dự án QG-HN05
- **24/04/2008:** Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Thiện Nhân làm việc với lãnh đạo Đại học Quốc gia Hà Nội về việc triển khai khu quy hoạch tại Hòa Lạc
- **30/09/2008:** Chuyển chủ đầu tư dự án xây dựng VNU Campus từ VNU sang Bộ Xây dựng (Quyết định số 1404/QĐ-TTg)
- **29/01/2010:** Bộ xây dựng ký Quyết định về quy hoạch chung VNU Campus tỉ lệ 1/5000 (Quyết định số 117/QĐ-BXD)
- **15/04/2010:** Lễ công bố điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng VNU Campus
- **20/07/2011:** Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân phát động khởi công tuyến đường 11, Dự án cơ sở hạ tầng của VNU Campus
- **4/4/2013:** Chính phủ ban hành văn bản đồng ý cơ chế chính sách hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho Dự án Đầu tư xây dựng VNU Campus
- **18/10/2013:** Thủ tướng Phê duyệt Đề án quy hoạch tổng thể xây dựng VNU Campus (Quyết định 1907/QĐ-TTg)

- **18/06/2014:** VNU Bàn giao 101 ha đất cho huyện Thạch Thất để quy hoạch thành cây xanh
- **13/8/2014:** Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam chủ trì cuộc họp với các Bộ, ngành hữu quan và Tp. Hà Nội nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho dự án đầu tư xây dựng VNU Campus
- **21/11/2014:** VNU tiếp nhận các công trình đầu tiên từ Bộ Xây dựng: D2, D3, D4, D5 thuộc Khu Ký túc xá số 4, Nhà công vụ số 1
- **12/2014:** VNU tiếp nhận các cơ sở đầu tiên VNU Campus để đưa vào khai thác, sử dụng: Khu Nhà công vụ, Khu Ký túc xá số 4
- **20/12/2014:** Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đã tham dự lễ động thổ Trường Đại học Việt - Nhật thuộc VNU Campus
- **04/06/2015:** Khóa đào tạo đầu tiên tại VNU Campus: chương trình giáo dục quốc phòng – an ninh
- **12/09/2017:** Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc làm việc tại VNU, nhấn mạnh: Tập trung xây dựng VNU Campus hiện đại, ngang tầm quốc tế
- **21/12/2017:** Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc quyết định chuyển giao chủ Dự án Xây dựng VNU Campus từ Bộ Xây dựng sang VNU (Quyết định số 2068/QĐ-TTg)
- **25/1/2018:** Giám đốc VNU Nguyễn Kim Sơn và Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh đã đại diện cho 2 cơ quan kí kết văn bản chuyển giao Dự án Đầu tư xây dựng VNU Campus từ Bộ Xây dựng sang cho VNU
- **7/3/2018:** Lễ động thổ xây dựng công trình tổ hợp tòa nhà Khoa Toán – Cơ – Tin học (HT1) thuộc phân khu 4, Dự án QG-HN 07
- **28/02/2019:** Thủ tướng Chính phủ đồng ý bổ sung Viện Trần Nhân Tông & Đại học Việt Nhật vào quy hoạch tổng thể VNU Campus
- **11/03/2019:** Lễ cất nóc công trình tổ hợp tòa nhà Khoa Toán – Cơ – Tin học (HT1) thuộc phân khu 4, Dự án QG-HN 07
- **13/11/2019:** Cất nóc xây dựng Công trình tòa nhà HT1, VNU tại Hòa Lạc
- **29/04/2020:** Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn khảo sát dự án đầu tư xây dựng VNU tại Hòa lạc
- **01/07/2020:** Ngân hàng thế giới (WB) đồng ý cấp tín dụng tài trợ 125,18 triệu USD cho VNU Campus

**Phụ lục 5: Kết quả giải phóng mặt bằng VNU Campus đến năm 2018**

| Phân loại đất                                                          | Diện tích     | Đã kiểm đếm   |                 | Chưa kiểm đếm |
|------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|-----------------|---------------|
|                                                                        |               | Đã bồi thường | Chưa bồi thường |               |
| Kết quả giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất trong khu vực 1000ha |               |               |                 |               |
| Diện tích đất Nông trường 1A cũ                                        | 860           | 652,74        | 96,48           | 110,78        |
| Diện tích đất của Bộ Tư lệnh pháo binh                                 | 14,83         | 0             | 0               | 14,83         |
| Diện tích đất của xã Tiến Xuân                                         | 26,5          | 0             | 0               | 26,5          |
| Diện tích đất của Trường Sĩ quan Quân sự Lục quân 1                    | 98,07         | 96,07         | 0               | 2             |
| Diện tích đất của Trung đoàn 916                                       | 0,6           | 0             | 0               | 0,6           |
| <b>Tổng</b>                                                            | <b>1000</b>   | <b>748,81</b> | <b>96,48</b>    | <b>154,71</b> |
| Kết quả giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất ngoài khu vực 1000ha |               |               |                 |               |
| Diện tích đất Dự án tái định cư                                        | 113,7         | 49,11         | 10,2            | 54,39         |
| Diện tích đất 02 nút giao thông số 3 & 4                               | 1,72          | 0,89          | 0,83            | 0             |
| Diện tích đất Nông trường 1A cũ giao cho Trường Sĩ quan Lục quân 1     | 97,3          | 95,69         | 0               | 1,62          |
| Diện tích đất Nông trường 1A cũ giao cho Bộ Tư lệnh Pháo binh          | 9,01          | 0             | 0               | 9,01          |
| <b>Tổng</b>                                                            | <b>221,73</b> | <b>145,69</b> | <b>11,03</b>    | <b>65,02</b>  |

Nguồn: VNU

**Phụ lục 6: Các văn bản chính sách do Chính phủ ban hành về VNU và VNU Campus****Nghị định, Quyết định của Chính phủ về VNU**

| <b>Ký hiệu</b>                             | <b>Nội dung</b>                                                                                                          | <b>Người ký</b>           |
|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| Nghị định 97/CP, ngày 10/12/1993           | Nghị định Chính phủ về việc thành lập VNU                                                                                | Thủ tướng Võ Văn Kiệt     |
| Nghị định 07/2001/NĐ-CP, ngày 01/02/2001   | Nghị định của Chính phủ về Đại học Quốc gia ( <i>Hết hiệu lực</i> )                                                      | Thủ tướng Phan Văn Khải   |
| Quyết định 14/2001/QĐ-TTg, ngày 12/02/2001 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức lại Đại học Quốc gia Hà Nội                                           | Thủ tướng Phan Văn Khải   |
| Quyết định 16/2001/QĐ-TTg, ngày 12/02/2001 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về Tổ chức và Hoạt động của Đại học Quốc gia ( <i>Hết hiệu lực</i> ) | Thủ tướng Phan Văn Khải   |
| Nghị định 186/2013/NĐ-CP, ngày 17/11/2013  | Nghị định của Chính phủ về Đại học Quốc gia                                                                              | Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng |
| Quyết định 26/2014/QĐ-TTg, ngày 26/3/2014  | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về Tổ chức và Hoạt động của Đại học Quốc gia                         | Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam  |

**Văn bản, Quyết định về hoặc có liên quan Dự án VNU Campus**

| <b>Ký hiệu</b>                                | <b>Nội dung</b>                                                                                                                                       | <b>Người ký</b>                 |
|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| Quyết định 813/TTg, ngày 28/12/1994           | Chuyển giao nông trường 1A thuộc Bộ Quốc phòng cho UBND tỉnh Hà Tây quản lý                                                                           | Thủ tướng Võ Văn Kiệt           |
| Quyết định số 72-TTg, ngày 27/01/1995         | Dành 1000 ha đất Nông trường 1A thuộc Tổng cục Hậu cần, Bộ Quốc phòng, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây làm địa điểm xây dựng VNU Campus                 | Thủ tướng Võ Văn Kiệt           |
| Văn bản số 659/TTg, ngày 16/10/1995           | Bộ Quốc phòng bàn giao đất trực tiếp cho VNU                                                                                                          | Thủ tướng Võ Văn Kiệt           |
| Quyết định 372/TTg, ngày 02/06/1997           | Định hướng quy hoạch 4 đô thị Miếu Môn – Xuân Mai – Hoà Lạc – Sơn Tây                                                                                 | Thủ tướng Võ Văn Kiệt           |
| Quyết định số 22/1998/QĐ-TTg, ngày 26/01/1998 | Quyết định phê duyệt quy hoạch chung của VNU trong tổng thể khu đô thị Miếu Môn – Xuân Mai – Hoà Lạc – Sơn Tây                                        | Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm    |
| Quyết định 702/QĐ-TTg, ngày 23/08/2002        | Điều chỉnh quy hoạch chung Đại học Quốc gia Hà Nội trong khu vực các đô thị Miếu Môn – Xuân Mai – Hoà Lạc – Sơn Tây                                   | Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm    |
| Quyết định số 181/CP-KG, ngày 21/02/2003      | Thông qua báo cáo tiền khả thi dự án đầu tư xây dựng VNU Campus                                                                                       | Chính phủ                       |
| Quyết định số 1404/QĐ-TTg, ngày 30/09/2008    | Chuyển “chủ đầu tư Dự án xây dựng VNU Campus nêu tại văn bản số 181/CP-KG ngày 21 tháng 02 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ từ VNU sang Bộ Xây dựng”. | Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân |
| Quyết định 1907/QĐ-TTg, ngày 18/10/2013       | Phê duyệt Đề án quy hoạch tổng thể xây dựng VNU Campus                                                                                                | Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân |
| Quyết định số 2068/QĐ-TTg, ngày 21/12/2017    | Chuyển giao Dự án đầu tư xây dựng VNU Campus từ Bộ Xây dựng sang VNU                                                                                  | Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc      |

**Phụ lục 7: VNU Campus theo quy hoạch tổng thể được phê duyệt và sau 25 năm thực thi**



VNU Campus theo quy hoạch tổng thể  
được Thủ tướng phê duyệt



VNU Campus sau 25 năm thực hiện